

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 26
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Công trình Giao thông 236 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Cổ phần Quản lý và Xây dựng Công trình Giao thông 236 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Công trình Giao thông 236 là Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ 236 theo Quyết định số 4413/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Theo Quyết định số 1760/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ 236 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Công trình Giao thông 236. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103013363 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Xây dựng công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước và công trình công nghiệp;
- Quản lý, duy tu, sửa chữa công trình giao thông;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Thi công điện dân dụng, hạ tầng kỹ thuật và thi công thủy lợi;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, máy móc và thiết bị xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Tự	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Trương	Ủy viên
Ông Dương Bá Đoàn	Ủy viên
Ông Phạm Ân Trường	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Hiền	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Ngọc Trương	Giám đốc
Ông Dương Bá Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ân Trường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Toàn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Giám đốc
Bà Lương Thị Bích Hương	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

TM. Ban giám đốc
Giám đốc

Phạm Ngọc Trương

Số: *100*./2021/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Công trình Giao thông 236, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng công trình giao thông 236 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**



Bùi Thị Ngọc Lan

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

Headquarters

29, Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

4 LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.299.954.274	204.354.524.318
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	20.328.242.064	29.457.495.110
1.	Tiền	111		20.328.242.064	29.457.495.110
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.223.656.538	134.939.038.476
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	66.473.473.055	123.691.906.948
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.000.000.000	4.000.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	15.469.873.483	7.247.131.528
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(1.719.690.000)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	17.709.900.989	39.944.858.914
1.	Hàng tồn kho	141		17.709.900.989	39.944.858.914
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		38.154.683	13.131.818
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.154.683	13.131.818
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.731.562.092	5.853.891.580
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.957.167.339	1.957.167.339
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	1.957.167.339	1.957.167.339
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		2.634.394.753	3.756.724.241
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.634.394.753	3.756.724.241
	- Nguyên giá	222		8.548.965.091	12.398.965.091
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.914.570.338)	(8.642.240.850)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.06	140.000.000	140.000.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		140.000.000	140.000.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		127.031.516.366	210.208.415.898

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236
Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		110.461.226.918	193.966.727.461
I.	Nợ ngắn hạn	310		110.461.226.918	193.966.727.461
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	10.875.137.091	12.918.805.865
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.243.701.156	34.044.004.679
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	2.369.533.667	1.351.237.364
4.	Phải trả người lao động	314		3.006.527.776	5.178.251.092
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	-	527.724.838
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	59.236.456.770	70.142.884.056
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	10.535.797.989	69.721.149.301
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		194.072.469	82.670.266
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.12	-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.570.289.448	16.241.688.437
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	16.570.289.448	16.241.688.437
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.235.000.000	11.235.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.235.000.000	11.235.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.280.895.672	3.169.493.469
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.054.393.776	1.837.194.968
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.052.640.562	723.172.931
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.001.753.214	1.114.022.037
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		127.031.516.366	210.208.415.898

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hồ Thị Thúy Hằng



Lương Thị Bích Hương



Phạm Ngọc Trương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	286.039.304.612	240.188.388.056
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		286.039.304.612	240.188.388.056
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	278.916.762.618	234.285.939.397
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.122.541.994	5.902.448.659
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.172.897.162	1.434.335.972
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	3.344.672.324	1.853.684.160
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.324.978.748	1.853.684.160
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	5.708.227.624	4.239.263.490
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.242.539.208	1.243.836.981
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	10.416.940	150.692.509
12.	Chi phí khác	32	VI.06	635.975	1.929.453
13.	Lợi nhuận khác	40		9.780.965	148.763.056
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.252.320.173	1.392.600.037
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	250.566.959	278.578.000
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.001.753.214	1.114.022.037
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	892	892
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	892	892

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Hồ Thị Thúy Hằng

Lương Thị Bích Hương

Phạm Ngọc Trương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		358.342.630.270	218.818.126.833
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(285.078.618.809)	(211.316.769.680)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.718.601.948)	(18.505.533.384)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.324.978.748)	(1.853.684.160)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(210.000.000)	(300.000.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.113.538.382	183.235.898
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.375.133.043)	(12.209.544.714)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		46.748.836.104	(25.184.169.207)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	(338.696.218)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		620.000.000	550.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.172.897.162	1.434.335.972
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.792.897.162	1.645.639.754

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236
Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		125.396.187.241	100.869.789.133
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(184.581.538.553)	(65.518.154.376)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(485.635.000)	(1.078.933.250)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.670.986.312)	34.272.701.507
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.129.253.046)	10.734.172.054
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.457.495.110	18.723.323.056
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		20.328.242.064	29.457.495.110

Người lập biểu



Hồ Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Lương Thị Bích Hương

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Phạm Ngọc Trương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- Xây dựng công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước và công trình công nghiệp;
- Quản lý, duy tu, sửa chữa công trình giao thông;
- San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng;
- Thi công điện dân dụng, hạ tầng kỹ thuật và thi công thủy lợi;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ, máy móc và thiết bị xây dựng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền	20.328.242.064	29.457.495.110
+ Tiền mặt	1.223.579.237	1.082.905.896
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.104.662.827	28.374.589.214
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	20.328.242.064	29.457.495.110

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	66.473.473.055	123.691.906.948
- Ban quản lý dự án 3	4.921.124.315	20.959.521.090
- Cục Quảng lý đường bộ I	7.572.003.500	14.650.962.944
- Ban Quản lý dự án vốn sự nghiệp giao thông	2.480.908.000	12.218.070.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	7.028.170.479	5.305.306.478
- Sở GTVT Tuyên Quang	6.949.015.324	11.244.052.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	37.522.251.437	59.313.994.436
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	66.473.473.055	123.691.906.948

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	15.469.873.483	-	7.247.131.528	
- Tạm ứng	630.583.000	-	630.583.000	
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.666.000.000	-	5.866.000.000	
- Phải thu khác	12.173.290.483	-	750.548.528	
+ <i>Xí nghiệp Công trình 3</i>	11.417.653.080	-	-	
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	755.637.403	-	750.548.528	
b) Dài hạn	1.957.167.339	-	1.957.167.339	
- Phải thu khác	1.957.167.339	-	1.957.167.339	
+ <i>Cục quản lý đường bộ I</i>	1.957.167.339	-	1.957.167.339	
Cộng	17.427.040.822	-	9.204.298.867	

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- XN9 Chi nhánh Tổng công ty 319	1.287.529.999	386.258.999	-	
- Tổng công ty XNK & XD Việt Nam	93.203.000	27.960.900	-	
- Công ty TNHH Hợp Tiến	39.787.837	11.935.337	-	
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	116.718.000	35.015.400	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319	145.586.000	43.676.000	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng GT9	320.592.000	96.177.600	-	
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hòa Bình	257.782.000	77.334.600	-	
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hà Ninh	195.500.000	58.650.000	-	
Cộng	2.456.698.836	737.008.836	-	

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	53.513.250	-	154.043.250	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.656.387.739	-	39.790.815.664	-
Cộng	17.709.900.989	-	39.944.858.914	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236
Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	140.000.000	140.000.000
+ Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng xây dựng cơ sở hạ tầng Pháp Vân - Cầu Giẽ	140.000.000	140.000.000
Cộng	140.000.000	140.000.000

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.270.289.254	5.239.488.182	3.719.687.655	169.500.000	12.398.965.091
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.850.000.000)	-	-	(3.850.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.270.289.254	1.389.488.182	3.719.687.655	169.500.000	8.548.965.091
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.714.209.336	4.363.242.349	2.441.289.165	123.500.000	8.642.240.850
- Khấu hao trong năm	129.359.574	103.977.272	255.409.309	24.000.000	512.746.155
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.240.416.667)	-	-	(3.240.416.667)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.843.568.910	1.226.802.954	2.696.698.474	147.500.000	5.914.570.338
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.556.079.918	876.245.833	1.278.398.490	46.000.000	3.756.724.241
2. Tại ngày cuối năm	1.426.720.344	162.685.228	1.022.989.181	22.000.000	2.634.394.753

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.799.481.549 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.387.748.705 đồng và 2.471.717.526 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	69.721.149.301	69.721.149.301	125.396.187.241	184.581.538.553	10.535.797.989	10.535.797.989
- Vay ngân hàng	58.735.490.500	58.735.490.500	122.470.652.018	176.005.288.608	5.200.853.910	5.200.853.910
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	58.735.490.500	58.735.490.500	122.470.652.018	176.005.288.608	5.200.853.910	5.200.853.910
- Vay đối tượng khác ^(b)	10.985.658.801	10.985.658.801	2.925.535.223	8.576.249.945	5.334.944.079	5.334.944.079
+ Mai Bích Thảo	6.500.000.000	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	-
+ Ông Nguyễn Khắc Ninh	1.420.236.473	1.420.236.473	123.149.528	-	1.543.386.001	1.543.386.001
+ Bà Hồ Thúy Hằng	808.138.813	808.138.813	1.999.068.167	608.138.813	2.199.068.167	2.199.068.167
+ Bà Vũ Thị Sâm	696.843.693	696.843.693	-	696.843.693	-	-
+ Vũ Đình Phong	500.000.000	500.000.000	43.355.290	-	543.355.290	543.355.290
+ Đối tượng khác	1.060.439.822	1.060.439.822	759.962.238	771.267.439	1.049.134.621	1.049.134.621
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	69.721.149.301	69.721.149.301	125.396.187.241	184.581.538.553	10.535.797.989	10.535.797.989

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11/HĐTD ngày 12 tháng 08 năm 2020. Hạn mức tín dụng tối đa là 70 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất vay trong năm là 7,6%/năm và 9,2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản như sau:

- Xe ô tô Toyota Innova biến kiểm soát 29A - 572.80, xe ô tô Toyota Camry biến kiểm soát 30Z - 6495,;
- Xe TOYOTA FOTUNER 30F-396.83 ;
- Xe lu rung BOMAG Model BW 212D-2;
- Trụ sở văn phòng công ty.
- Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình sử dụng vốn vay ngân hàng.

(b) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 8%/năm và 8,5%/năm. Thời hạn vay là 01 tháng. Tới ngày đáo hạn vay, nếu người cho vay không có nhu cầu tất toán thì lãi khoản vay sẽ được nhập gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236
Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	10.875.137.091	10.875.137.091	12.918.805.865	12.918.805.865
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 873	1.955.923.375	1.955.923.375	2.955.923.375	2.955.923.375
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Linh	2.023.676.716	2.023.676.716	672.466.271	672.466.271
- Công ty TNHH INFRASOL	3.841.883.558	3.841.883.558	3.841.883.558	3.841.883.558
- Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Gia Lai	670.624.700	670.624.700	284.337.700	284.337.700
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Quốc Khánh	220.826.533	220.826.533	1.820.826.533	1.820.826.533
- Công ty TNHH MTV HLQ	599.116.440	599.116.440	1.899.116.440	1.899.116.440
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	1.563.085.769	1.563.085.769	1.444.251.988	1.444.251.988
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.875.137.091	10.875.137.091	12.918.805.865	12.918.805.865

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	986.046.080	2.106.269.024	2.106.269.024	1.178.307.940	1.178.307.940	-	-	1.914.007.164	1.914.007.164
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	288.761.267	250.566.959	250.566.959	210.000.000	210.000.000	-	-	329.328.226	329.328.226
- Thuế thu nhập cá nhân	-	76.430.017	274.718.540	274.718.540	224.950.280	224.950.280	-	-	126.198.277	126.198.277
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	218.314.648	218.314.648	218.314.648	218.314.648	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-
Cộng	-	1.351.237.364	2.852.869.171	2.852.869.171	1.834.572.868	1.834.572.868	-	-	2.369.533.667	2.369.533.667

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236
Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	59.236.456.770	70.142.884.056
- Kinh phí công đoàn	159.238.735	157.503.363
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	371.415.256	295.300.256
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.705.802.779	69.690.080.437
+ Ban điều hành xây dựng và các công trình	6.096.450.790	15.937.842.685
+ Ban điều hành xây dựng số 1	5.048.109.975	3.990.661.433
+ Ban Điều hành BOT Pháp Vân Cầu Giẽ	6.330.041.704	13.128.481.342
+ Xi nghiệp công trình 1	15.297.495.113	12.179.694.280
+ Hạt quản lý đường bộ 5	6.450.204.919	2.662.051.836
+ Xi nghiệp công trình 3	-	351.856.207
+ XN công trình PV-CG	11.053.221.083	12.510.861.599
+ Các đối tượng khác	8.430.279.195	8.928.631.055
b) Dài hạn	-	-
Cộng	59.236.456.770	70.142.884.056

12. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	-	527.724.838
- Doanh thu cho thuê máy	-	527.724.838
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	527.724.838

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	11.235.000.000	3.004.129.869	2.177.400.131	16.416.530.000
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	1.114.022.037	1.114.022.037
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	165.363.600	(1.454.227.200)	(1.288.863.600)
Số dư cuối năm trước	11.235.000.000	3.169.493.469	1.837.194.968	16.241.688.437
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	1.001.753.214	1.001.753.214
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận(*)	-	111.402.203	(784.554.406)	(673.152.203)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	11.235.000.000	3.280.895.672	2.054.393.776	16.570.289.448

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 01 tháng 6 năm 2020, cụ thể:

Trích quỹ khen thưởng	55.701.101
Trích quỹ phúc lợi	55.701.102
Trích quỹ Đầu tư phát triển	111.402.203
Trích cổ tức chi trả	561.750.000
Cộng	784.554.406

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ %</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	11.235.000.000	100	11.235.000.000	100
Cộng	11.235.000.000	100	11.235.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	11.235.000.000	11.235.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	11.235.000.000	11.235.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	561.750.000	1.123.500.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.123.500	1.123.500
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.123.500	1.123.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.123.500</i>	<i>1.123.500</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.123.500	1.123.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.123.500</i>	<i>1.123.500</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	3.280.895.672	3.169.493.469
Cộng	3.280.895.672	3.169.493.469

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	1.725.619.321	1.725.619.321

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu của dịch vụ đã cung cấp	356.133.333	1.313.754.542
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	285.683.171.279	238.874.633.514
<i>Trong đó</i>		
+ <i>Doanh thu phát sinh trong năm</i>	287.205.977.045	239.331.688.819
+ <i>Giảm trừ doanh thu các công trình đã quyết toán năm trước</i>	(1.522.805.766)	(457.055.305)
Cộng	286.039.304.612	240.188.388.056

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	127.977.273	1.077.005.309
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	278.788.785.345	233.208.934.088
Cộng	278.916.762.618	234.285.939.397

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.172.897.162	1.434.335.972
Cộng	3.172.897.162	1.434.335.972

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	3.324.978.748	1.853.684.160
- Chi phí hoạt động tài chính khác	19.693.576	-
Cộng	3.344.672.324	1.853.684.160

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu thanh lý TSCĐ	10.416.667	150.683.187
- Xử lý công nợ lẻ	273	9.322
Cộng	10.416.940	150.692.509

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt, truy thu thuế	514.621	289.964
- Các khoản khác	121.354	1.639.489
Cộng	635.975	1.929.453

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.708.227.624	4.239.263.490
- Chi phí nhân viên quản lý	2.158.145.205	2.075.803.513
- Chi phí khấu hao TSCĐ	384.768.882	459.394.687
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	1.719.690.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	840.560.362	1.109.149.429
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	602.063.175	591.915.861
b. Chi phí bán hàng	-	-
Cộng	5.708.227.624	4.239.263.490

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	250.566.959	178.328.999
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	100.249.001
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	250.566.959	278.578.000

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.252.320.173	1.392.600.037
Các khoản điều chỉnh tăng	514.621	289.964
Các khoản phạt chậm nộp, truy thu thuế	514.621	289.964
Thu nhập tính thuế TNDN	1.252.834.794	1.392.890.001
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	250.566.959	278.578.000

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.001.753.214	1.114.022.037
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.001.753.214	1.114.022.037
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	111.402.203
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.123.500	1.123.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	892	892

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.001.753.214	1.114.022.037
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.001.753.214	1.114.022.037
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	111.402.203
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.123.500	1.123.500
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	892	892

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020.

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	145.492.900.808	139.743.475.310
- Chi phí nhân công	21.494.787.844	20.371.253.800
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	512.746.155	1.468.143.950
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.533.074.335	66.164.380.676
- Chi phí khác bằng tiền	737.363.175	838.065.861
- Chi phí dự phòng	1.719.690.000	-
Cộng	262.490.562.317	228.585.319.597

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Nguyễn Văn Tự - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	66.039.863	66.039.863
Ông Phạm Ngọc Trương - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	234.362.260	18.113.124	252.475.384
Ông Dương Bá Đoàn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	216.042.945	18.113.124	234.156.069
Ông Phạm Ân Trường - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	153.141.250	18.113.124	171.254.374
Ông Nguyễn Minh Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị	-	18.113.124	18.113.124
Ông Vũ Tuấn Toàn - Phó Giám đốc	166.272.618	-	166.272.618
Ông Nguyễn Văn Sơn - Phó Giám đốc	262.196.834	-	262.196.834
Bà Lương Thị Bích Hương - Kế toán trưởng	133.587.200	-	133.587.200
Cộng	1.165.603.107	138.492.359	1.304.095.466

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lĩnh vực kinh doanh:

Trên 90% doanh thu trong năm của công ty là doanh thu hoạt động xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.328.242.064	-	29.457.495.110	-
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.889.944.585	(2.371.166.000)	126.399.622.815	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	102.218.186.649	(2.371.166.000)	155.857.117.925	-

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	10.875.137.091	12.918.805.865	(*)	(*)
Vay và nợ	10.535.797.989	69.721.149.301	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	60.363.231.743	69.985.380.693	(*)	(*)
Cộng	81.774.166.823	152.625.335.859		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 236

Số 8 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	10.875.137.091	-	-	10.875.137.091
Vay và nợ	10.535.797.989	-	-	10.535.797.989
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	60.363.231.743	-	-	60.363.231.743
Cộng	81.774.166.823	-	-	81.774.166.823
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	12.918.805.865	-	-	12.918.805.865
Vay và nợ	69.721.149.301	-	-	69.721.149.301
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	69.985.380.693	-	-	69.985.380.693
Cộng	152.625.335.859	-	-	152.625.335.859

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt - Chi nhánh phía Bắc. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” năm 2019 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	992	892
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	992	892

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hồ Thị Thúy Hằng

Lương Thị Bích Hương

Phạm Ngọc Trương